

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----o0o-----



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

(Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp
Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 12 năm 2006)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN
TẢI BIỂN
VINASHIP

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN TẢI
BIỂN VINASHIP
Date: 2025.03.18
08:52:26 +07'00'

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Phần I: Thông tin chung	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	9
Phần II: Tình hình hoạt động trong năm	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	11
3. Hoạt động đầu tư và thực hiện các dự án	18
4. Tình hình tài chính	19
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty – Báo cáo phát triển bền vững	22
Phần III: Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc Công ty	23
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	23
2. Tình hình tài chính	26
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	27
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	28
5. Giải trình của ban giám đốc về ý kiến kiểm toán	30
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	30
Phần IV: Báo cáo của Hội đồng quản trị	30
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	30
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	31
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	31
Phần V: Quản trị Công ty	31
1. Hội đồng quản trị	31



NỘI DUNG	Trang
2. Ban kiểm soát	38
3. Tiền lương và thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	42
Phần VI: Báo cáo tài chính	43

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200119965 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 30 tháng 07 năm 2024 tại Sở Kế hoạch đầu tư tp.Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 339.999.600.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 339.999.600.000 đồng
- Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng
- Số điện thoại: (84-225) 3842151
- Số fax: (84-225) 3842271
- Website: www.vinaship.com.vn
- Mã cổ phiếu: VNA

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

➤ Việc thành lập

Ngày 23/3/1993: Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định thành lập lại Công ty Vận tải biển III theo Quyết định số 463/QĐ-TCCB. Công ty Vận tải biển III là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 105658 do Sở Kế hoạch đầu tư t/p Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 06 tháng 3 năm 2002.

Ngày 24 tháng 10 năm 2006, Bộ Giao thông vận tải ký quyết định số 2264/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty vận tải biển III, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP.

Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP (Sau đây gọi là Vinaship hoặc Công ty) đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2006, được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 ngày 27/12/2006, với tổng số vốn điều lệ là 200 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà Nước nắm giữ 51%. Năm 2024, Vinaship đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ công ty từ 200 tỷ lên 339,99 tỷ đồng bằng hình thức chia thưởng cổ phiếu.

Trong lịch sử 40 năm hình thành và phát triển, Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tích cao trong sản xuất kinh doanh và góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

➤ **Niêm yết cổ phiếu**

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 280/QĐ-SGDHN do Phó Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 24/4/2017 .

- Mã chứng khoán: VNA
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 03/5/2017
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 33.999.960 cổ phiếu

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

➤ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng, Điều hành quản lý tòa nhà văn phòng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn tàu biển. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán;

➤ Địa bàn hoạt động

Vận tải đường biển:

Xét về phương diện quy mô vốn, số tấn trọng tải Đội tàu và thị phần vận tải thì VINASHIP được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải biển lớn tại Việt Nam. Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh, với mô hình tổ chức hiện có, được thừa hưởng đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Vinaship cũng luôn nằm trong top những doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao. Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu “VINASHIP” trong thị trường vận tải trong nước cũng như thị trường vận tải quốc tế, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước Khu vực Đông Nam Á và Bắc Á. Các đối tác và bạn hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nông sản (Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – VINAFOOD II, Thoresen Indochina SA, Bulog, NFA, Toepfer, Cargill, Samsung Logistic, Chayaporn Rice Co., Thailand...), than đá (Thailand Anthracite Coal Co., Ltd, Teparak SA...), Clinker, thạch cao (SCT, SCCC, Larfarge, DIC, ITC, ...), sắt thép (Vinakyoe, Lee Metal Group Singapore, Green Pacific Jakarta...); phân bón (Philippine Phosphata Fertilizer Corporation, Mekatrade Asia Pte Ltd, MITCO Petronas Malaysia...).

Hoạt động dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức: Song hành với kinh doanh vận tải biển, Vinaship đã tích cực phát triển ngành dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức để khai thác thế mạnh về kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ trên thị trường vận tải. Vinaship đã đưa ra thị trường sản phẩm dịch vụ logistics có uy tín và chất lượng cao được các khách hàng trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam tin cậy.

Hoạt động kho bãi, bốc xếp hàng hoá và dịch vụ kho vận: VINASHIP đang quản lý khai thác 01 bãi Container có vị trí địa lý rất thuận lợi. Với mục tiêu vừa khai thác kho bãi vừa làm dịch vụ kho vận giao nhận kết hợp với lực lượng nhân lực bốc xếp có kinh nghiệm, VINASHIP sẽ đưa ra một dịch vụ forwarding hoàn hảo nhằm phục vụ khách hàng chu đáo nhất. Hiện tại công việc này đã mang lại việc làm cho hơn một trăm lao động và một nguồn doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp. Trong những năm tới, khu vực này sẽ là một bộ phận kinh doanh quan trọng góp phần đa dạng hoá hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

So với các đối thủ trên thị trường, VINASHIP là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

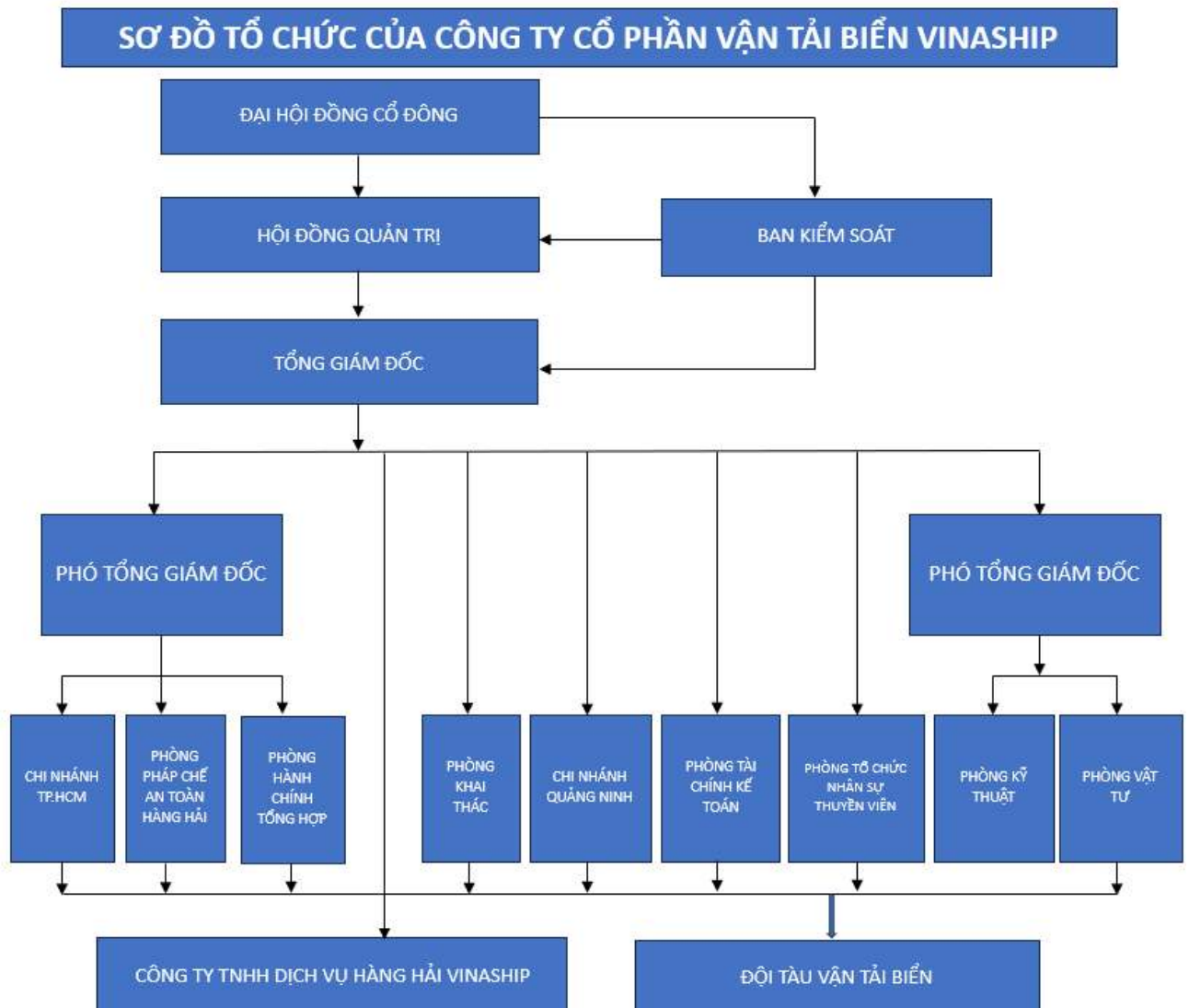


4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

➤ Sơ đồ cơ cấu tổ chức



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

➤ *Các mục tiêu chủ yếu của công ty:*

Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ vận tải hàng hải; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ vận tải biển, đại lý vận tải và logistics, chú trọng đầu tư có trọng tâm đội tàu để nâng cao hiệu quả khai thác

Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý điều hành tinh giản, gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh

Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh để mở rộng mạng lưới và các hoạt động kinh doanh ra thị trường thế giới.

➤ *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

Hiện tại Đội tàu của Công ty gồm 05 tàu chở hàng khô với tổng trọng tải khoảng 100.111 DWT. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận tải Đội tàu thông qua hình thức đóng tàu mới, mua tàu đã qua sử dụng; tập trung vào đầu tư Đội tàu chở hàng rời, hàng bách hóa; tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa Đội tàu thông qua việc bán những tàu già, cũ, hiệu quả khai thác kém.

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư Đội tàu hàng rời, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ xem xét việc phát triển các loại tàu hàng khác như tàu Container, tàu hàng lỏng, tàu chuyên dụng... tại thời điểm xét thấy có hiệu quả nhất.

Bảng 1: Bảng kê đội tàu của Công ty

STT	Tên con tàu	Năm đóng/Nơi đóng	Trọng tải (DWT)	Mớn nước (m)	Năm đưa vào sử dụng
1	Tàu Mỹ Hưng	2003/Việt Nam	6.500	6,9	2003
2	Tàu Vinaship Gold	2008/Việt Nam	13.245	8,35	2008
3	Tàu Vinaship Pearl	1996/Nhật Bản	24.241	9,548	2009
4	Tàu Vinaship Sea	1998/Nhật Bản	27.841	9,65	2010
5	Tàu Vinaship Unity	2012/Nhật Bản	28.189	9,8	2025



➤ ***Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn và trung hạn của công ty***

Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện hỗ trợ cộng đồng.

6. CÁC RỦI RO

➤ ***Rủi ro về kinh tế:***

Hoạt động SXKD của công ty là hoạt động vận tải biển – chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên toàn thế giới. Tất cả các biến động về kinh tế, chính trị đều làm ảnh hưởng tới quan hệ thương mại giữa các quốc gia, khu vực do đó tất yếu ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ ***Rủi ro về biến động giá cổ phần:***

Việc công ty đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể do cung – cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Vì vậy, công ty cổ phần vận tải biển Vinaship đã xây dựng và thực hiện quy trình công bố thông tin nhằm giúp cổ đông, các nhà đầu tư và khách hàng có những thông tin tin cậy, chính xác về các hoạt động của công ty.

➤ ***Rủi ro về tỷ giá hối đoái:***

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

➤ ***Rủi ro về lãi suất:***

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của công ty.

➤ ***Rủi ro tín dụng:***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho công ty. Công

ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động SXKD (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

➤ **Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

PHẦN II: HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

1. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Bảng 2: Kết quả kinh doanh năm 2024 (ĐVT: triệu đồng)

CHỈ TIÊU	KH NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2023	THỰC HIỆN SO VỚI KH	THỰC HIỆN SO VỚI 2023
Tổng doanh thu	628.546	730.631	674.028	116.24%	108.4%
Doanh thu vận tải	465.593	442.525	504.443	95.04%	87.72%
Lợi nhuận trước thuế	57.971	82.215	45.125	141.82%	182.19%

Trong năm 2024, đội tàu của Vinaship vẫn tập trung vận chuyển các mặt hàng truyền thống như xi măng, clinker, than, gạo, phân bón. Mặc dù lượng hàng ổn định nhưng mức cước vận tải đã suy giảm nhiều so với giai đoạn biến động sau đại dịch Covid-19.

Quý II và III/2024, hàng hóa đối với nhóm tàu có trọng tải dưới 30.000 DWT có khởi sắc nhất định nhưng vẫn ở mức thấp. Tuy nhiên, Quý I và IV/2024 thị trường lại giảm sút đáng kể; ngoài những khó khăn của thị trường vận tải biển, năm 2024 số tấn trọng tải vận doanh đội tàu Vinaship suy giảm hơn 46.000 DWT do Vinaship đã bán thanh lý 2 tàu Vinaship Star (tháng 6/2024) và Vinaship Diamond (tháng 11/2024) trong khi tàu mới mua Vinaship Unity (28.189 DWT) chưa đưa vào khai thác do tiếp nhận vào tháng 12/2024 và phải đưa lên đà sửa chữa sau khi tiếp nhận nên hiệu quả kinh doanh vận tải biển năm 2024 sụt giảm.

Mặc dù hoạt động vận tải biển gặp nhiều khó khăn khiến doanh thu và lợi nhuận vận tải chưa đạt như kỳ vọng và sụt giảm so với năm 2023 nhưng năm 2024, Vinaship đã đẩy mạnh và thành công trong các hoạt động dịch vụ như thuê tàu ngoài, cho thuê văn phòng, góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận; ngoài ra, dù việc bán thanh lý 02 tàu đã

làm giảm tấn trọng tải và hiệu quả kinh doanh vận tải biển nhưng đã đem lại khoản doanh thu và lợi nhuận lớn, cùng với lợi nhuận từ hoạt động tài chính đã giúp Công ty hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

Với những lý do nêu trên ghi nhận tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Vinaship đạt chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2024 và tăng trưởng so với năm 2023.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

➤ Danh sách Ban điều hành

Ban điều hành hiện nay của Công ty gồm có bốn (04) thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Ban giám điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thành viên Ban điều hành Công ty

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Tổng Giám đốc	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031076025495
Phó TGD	Lê Văn Thái	12/11/1977	034077019152
Phó TGD	Đoàn Minh Thân	15/10/1980	034080027264
Kế toán trưởng	Trần Thị Thanh Hương	13/8/1973	031173016145

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành

1) Ông Dương Ngọc Tú

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ngày sinh: 20/10/1976
Nơi sinh: Hải Phòng
Chứng minh nhân dân: 031076025495 do Cục CS QLHCTTXH cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Ven 22-06 Vinhomes Imperia, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế vận tải biển
Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
8/1999 -6/ 2006	Công ty vận tải biển III	Cán bộ
7/2006 – 12/2006	Công ty vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – 2008	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng phụ trách p.Đầu tư – phát triển đội tàu
2008 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng Đầu tư – Đối ngoại
2012 – 7/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Thành viên HĐQT, Trưởng p.Đầu tư đối ngoại, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container
7/2013 – 7/2018	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Thành viên HĐQT, Phó tổng Giám đốc
7/2018 – 4/2021	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó tổng giám đốc
4/2021-11/2021	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Thành viên HĐQT, Phó tổng Giám đốc
11/2021 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 25.500 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 6.120.000 cổ phần (18% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thu Hằng	Vợ	11.441	0,033
2	Dương Trần Nhật Minh	Con	Không	
3	Dương Trần Minh Thư	Con	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Lê Văn Thái

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
 Ngày sinh: 12/11/1977
 Nơi sinh: Thái Bình
 Chứng minh nhân dân: 034077019152 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 12/8 Đường 58, Tổ 1, Khu phố 5, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
01/2002- 12/2006	Công ty vận tải biển III	Cán bộ nghiệp vụ CN TP Hồ Chí Minh
12/2006 – 9/2009	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Cán bộ nghiệp vụ CN TP Hồ Chí Minh
9/2009 – 8/2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Giám đốc CN TP Hồ Chí Minh
8/2012 – 7/2021	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Giám đốc CN TP Hồ Chí Minh
7/2021 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó tổng GD, Giám đốc CN TP Hồ Chí Minh

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không
 Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Hường	Vợ	Không	
2	Lê Trần Tường Linh	Con	Không	
3	Lê Việt An	Con	Không	
4	Lê Trần Khánh Vân	Con	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Đoàn Minh Thân

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng vật tư kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ngày sinh: 15/10/1980
Nơi sinh: Hải Phòng
Chứng minh nhân dân: 034080027264 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 19/13 Vĩnh Lưu, Phường Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác máy tài biển
Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1/2002 – 11/2010	Công ty Vận tải biển III	Trải qua các chức danh từ thợ máy đến máy trưởng
1/2003 - 3/2003	Tàu Hưng Yên - Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
7/2004 – 3/2006	Tàu Hà Đông (M4-M3) - Công ty Vận tải biển III	Sỹ quan máy
6/2006 – 4/2008	Tàu Mỹ An – Công ty CP vận tải biển Vinaship	Sỹ Quan Quản lý
9/2008 – 11/2010	Tàu Hà Tiên - Công ty CP vận tải biển Vinaship	Máy trưởng
3/2011 – 6/2013	Học Đại học Ngành khai thác máy tàu biển trường Đại học Hàng hải Việt Nam	
7/2013 – 9/2014	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Máy trưởng tàu Vinaship Sea
10/2014 – 7/2015	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Nhân viên phòng vật tư
7/2015 – 4/2019	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng vật tư



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
4/2019 – 7/2019	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng phụ trách phòng vật tư
7/2019 – 11/2024	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng vật tư
12/2024 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng vật tư;

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 510 cổ phần

Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Hải Yến	Vợ	Không	
2	Đoàn Minh Huyền	Con gái	Không	
3	Đoàn Bảo Minh	Con trai	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4) Bà Trần Thị Thanh Hương

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Ngày sinh: 13/8/1973

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031173016145 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 56 lô 26D Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
4/1995 – 4/1998	Công ty liên doanh TNHH Kai nan HP	Kế toán
1998 - 2004	Công ty vận tải biển III	Kế toán
2004 - 2012	Công ty vận tải biển III (từ năm 2007 đổi tên là Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship)	Phó phòng tài chính kế toán
2010 - 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng TCKT
2013 - 2015	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng TCKT
2015 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Kế toán trưởng

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 340 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Đắc Cường	Chồng	Không	
2	Nguyễn Trần Hoàng	Con	Không	
3	Nguyễn Đắc Hoàn	Con	Không	
4	Trần Thị Thanh Nhạn	Em gái	Không	

➤ **Chế độ chính sách và công tác quản lý nhân sự:**

❖ **Số lượng người lao động trong Công ty**

Chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững và lâu dài của công ty. Vì vậy, Vinaship luôn coi việc xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) và sỹ quan thuyền viên (SQTV) chuyên nghiệp, chất lượng cao là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số cán bộ nhân viên chính thức của công ty là 285 người.

Bảng 4 : Bảng kê lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2024
Đơn vị tính : Người

Yếu tố	31/12/2023	31/12/2024
Số lượng nhân viên	310	285
• Sĩ quan thuyền viên	240	219
• Cán bộ công nhân viên	70	66
Phân theo trình độ chuyên môn		
• Đại học và Trên đại học	115	103
• Cao đẳng, Trung cấp, PTTH, Sơ cấp	195	182

✦ Các chế độ lương, thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho người lao động.
- Chính sách lương:

Dù gặp phải nhiều khó khăn trong điều kiện sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn duy trì các chế độ đãi ngộ hợp lý cho người lao động. Ban lãnh đạo đã chủ động trong việc quản lý chi phí lương và thiết lập quỹ dự phòng tiền lương, đảm bảo mức thu nhập ổn định cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Cụ thể, thu nhập bình quân thực tế của người lao động trong năm 2024 đã đạt trên 18,4 triệu đồng/người/tháng. Bên cạnh đó, chế độ tiền ăn định lượng đã được điều chỉnh tăng từ ngày 1/7/2024 để cải thiện đời sống cho người lao động là sỹ quan thuyền viên đi tàu. Công ty luôn cam kết thanh toán lương đầy đủ và đúng hạn cho người lao động hàng tháng theo quy định.

- Chính sách thưởng

Ngoài việc đảm bảo chi trả lương đầy đủ và đúng hạn, Công ty luôn theo dõi sát sao tình hình hoạt động của các đơn vị để kịp thời động viên và khích lệ người lao động. Bên cạnh các hình thức thưởng định kỳ như thưởng quý, thưởng cuối năm và các dịp lễ Tết, Công ty cũng đã ban hành các quyết định khen thưởng cho các tàu có công tác bảo quản, bảo dưỡng tốt, tàu có cải tiến sáng kiến trong quá trình sản xuất kinh doanh, hoặc đạt hiệu quả cao trong các chuyến khai thác, góp phần giảm thiểu chi phí. Đồng thời, các quyết định khen thưởng cũng được trao cho các phòng, chi nhánh và cá nhân có đóng góp tích cực vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Các chế độ khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Luật Lao động, Nội quy Lao động và Thỏa ước Lao động tập thể, đồng thời chú trọng cải thiện đời sống và điều kiện làm việc. Người lao động được hưởng chế độ khám chữa bệnh định kỳ, bảo hiểm tai nạn 24/24, chế độ hiếu hỷ, ma chay, công tác phí và nghỉ phép đúng quy định.

Công ty cũng quan tâm đến người lao động trong các dịp lễ Tết, phối hợp với Công đoàn tổ chức các sự kiện như tuyên dương thuyền viên xuất sắc nhân Ngày Thuyền viên thế giới, tặng quà và chúc Tết tàu. Ngoài ra, công ty tổ chức du lịch cho khoảng 170 CBCNV và người thân, khuyến khích tinh thần đoàn kết và tái tạo sức lao động. Công đoàn cũng tổ chức các hoạt động nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ, Ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thể thao, giải trí cho thuyền viên và tặng quà cho con cán bộ công nhân viên có thành tích học tập tốt.

- Chính sách đào tạo

Công ty đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn cho CBCNV và SQTV tại các đơn vị. Các chương trình đào tạo tại công ty được triển khai theo các hướng sau:

- Đối với lao động là SQTV: Công ty đã tổ chức nhiều lớp đào tạo nhằm nâng cao trình độ cho sỹ quan thuyền viên, đặc biệt là đối với những sỹ quan tiếp nhận tàu Unity mới. Những khóa đào tạo này giúp đội ngũ sỹ quan thuyền viên đáp ứng yêu cầu chuyên môn và nâng cao tay nghề, phù hợp với công nghệ tàu mới. Đội ngũ sỹ quan thuyền viên luôn được đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời cho đội tàu của công ty

- Đối với lao động ở các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty đã thường xuyên tổ chức các buổi huấn luyện đào tạo nội bộ, triển khai cho CBCNV tham gia các chương trình huấn luyện do Tổng công ty tổ chức. Kết quả, cơ bản đội ngũ CBCNV tại các phòng ban luôn đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, kỹ thuật và tay nghề phù hợp với từng vị trí công việc.

3. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ Hoạt động đầu tư

❖ Bán thanh lý tài sản

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ý kiến cổ đông bằng văn bản số 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/2/2024, công ty đã bán thành công tàu Vinaship Star (23.949 DWT, năm đóng 1996) vào quý II/2024 và tàu Vinaship Diamond (24.034 DWT, năm đóng 1996) vào quý IV/2024.

❖ Đầu tư tàu biển

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/2024/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 24/9/2024, Công ty đã ký hợp đồng mua tàu Amira Nour, trọng tải 28.189 DWT, đóng năm 2012 tại Nhật Bản ngày 24/10/2024 và đã nhận bàn giao tàu tại Singapore vào ngày 02/12/2024 và đã đổi tên tàu thành "Vinaship Unity".

➤ **Tình hình thực hiện các dự án**

Dự án xây dựng trụ sở Công ty kết hợp văn phòng cho thuê lại lô đất TM8, số 14 Võ Nguyên Giáp, Quận Lê Chân, Hải Phòng đã đưa vào sử dụng từ đầu tháng 5/2024, bắt đầu đưa một phần toà nhà vào khai thác thương mại (cho thuê) từ quý 3/2024.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Bảng 5: Tình hình tài chính Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	617.951.181.166	808.856.859.263	30,89%
Doanh thu thuần	593.844.082.552	620.600.948.687	4,51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-10.616.555.520	-11.585.833.559	9,13%
Lợi nhuận khác	55.741.465.551	93.800.511.186	68,28%
Lợi nhuận trước thuế	45.124.910.031	82.214.677.627	82,19%
Lợi nhuận sau thuế	36.031.981.329	65.721.232.745	82,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	3,81	3,43	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSNH – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	3,5	3,05	

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,16	0,28	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,4	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	12,86	16,7	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,96	0,76	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,1	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,01	-0,01	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

➤ Cổ phần

Mã chứng khoán:	VNA
Tổng số cổ phần đang lưu hành:	33.999.960 cổ phần
Tổng số cổ phần niêm yết:	33.999.960 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	33.999.960 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

➤ Các dữ liệu thống kê về cổ đông

❖ Cổ đông trong nước

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 15/4/2023		Tại ngày 31/12/2024	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	10.895.040	54,47	31.030.890	91,26
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	10.200.000	51	30.943.240	91,01
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	695.040	3,47	87.650	0,25
2	Cổ đông cá nhân	9.104.960	45,52	2.368.693	6,97
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	-	-	-	-
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	9.104.960	45,52	2.368.693	6,97

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội	0100104595	17.340.000	51
2. Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Gia Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	0200453688	13.603.240	40,01

❖ Cổ đông nước ngoài

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 15/4/2023		Tại ngày 31/12/2024	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	52.040	0,26	59.557	0,18
2	Cổ đông cá nhân	327.132	1,63	540.820	1,59

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000	139.999.600.000	0	339.999.600.000

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong bối cảnh các nền kinh tế tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào tiến trình toàn cầu hóa, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, trước những nguy cơ về biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững đang dần trở thành một trong những mục tiêu của mỗi doanh nghiệp.

Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship với bề dày truyền thống và sự tận tâm với khách hàng luôn tự hào là một trong những công ty vận tải biển hàng đầu Việt Nam. Trong quá trình phát triển của mình, công ty không chỉ cam kết nỗ lực đảm bảo cung cấp cho khách hàng những dịch vụ vận tải chuyên nghiệp và chất lượng, mà còn luôn chú trọng đến việc xây dựng chính sách phát triển bền vững và đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng, đối tác, cộng đồng xã hội, góp phần vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Vinaship luôn coi việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp không chỉ là những hành động giải quyết các vấn đề xã hội vì mục đích từ thiện và nhân đạo mà công ty còn hướng tới trách nhiệm xã hội là cách thức mà một doanh nghiệp đạt được sự cân bằng hoặc kết hợp những yêu cầu về kinh tế, môi trường và xã hội, đồng thời đáp ứng được những kỳ vọng của cổ đông và các đối tác.

➤ **Tác động tới môi trường**

Công ty luôn quan tâm đến việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc bảo vệ môi trường. Đội tàu của công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, hệ thống xử lý nước dẫn, xử lý nước thải và rác thải theo đúng quy chuẩn để giảm ô nhiễm môi trường biển. Công ty đã có các phương án chạy tàu phù hợp với diễn biến thị trường vận tải, giá nhiên liệu và hợp đồng vận chuyển, kết hợp với việc rà soát điều chỉnh mức tiêu thụ nhiên liệu cho đội tàu để giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ, đồng thời giảm lượng khí thải phát ra môi trường.

➤ **Quản lý nguyên vật liệu**

Công ty luôn rà soát các hạng mục phụ tùng và vật tư cần cấp cho đội tàu; liên tục theo dõi hành trình tàu để cấp vật tư cho tàu theo lô lớn, theo quý, tránh cấp phát nhỏ lẻ gây lãng

phí nguồn nguyên vật liệu và tổn kém cho khâu vận chuyển giao nhận. Thường xuyên nhắc nhở, yêu cầu các tàu cân nhắc trước khi đặt phụ tùng vật tư, tránh lãng phí không cần thiết.

➤ **Tiêu thụ năng lượng**

Trong năm 2024, tổng lượng dầu FO, DO, LO tiêu thụ lần lượt là 8.732 và 1.473 tấn, dầu nhờn là 193.998 lit. Công ty đã áp dụng các giải pháp giảm tiêu thụ dầu FO cho một số tàu do khai thác với công suất phù hợp.

➤ **Tiêu thụ nước**

Nguồn cung cấp nước và lượng nước ngọt chủ yếu được sử dụng tại trụ sở chính của công ty. Công ty có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước.

➤ **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường .

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ **Những thuận lợi, khó khăn**

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 của Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

❖ **Khó khăn**

Trong năm 2024, Đối với phân khúc thị trường đội tàu Vinaship đang tham gia, nhóm tàu nhỏ dưới 30.000 DWT trong quý 2 và 3 có khối lượng vận chuyển tương đối ổn định, giá cước vận chuyển với một số mặt hàng như xi măng tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp, tuy nhiên quý 1 và 4 thị trường có bị giảm sút đáng kể khiến kết quả chung cả năm bị ảnh hưởng.

Quy mô đội tàu biển ngày càng suy giảm, các tàu handysize có độ tuổi cao từ 26 đến 28 tuổi tình trạng kỹ thuật xuống cấp nhiều, mang phân cấp VR nên gặp nhiều hạn chế về vùng hoạt động và giới hạn nhóm hàng vận chuyển nên nhìn chung khả năng cạnh tranh với nhóm tàu trẻ hơn là tương đối hạn chế.

Một số chân hàng lớn như gạo nhập khẩu Indonesia/ Philippines, ngô xuất khẩu từ Myanmar ít xảy ra trong năm trước thì 10 tháng đầu năm 2024 phát sinh nhiều hơn hẳn khiến thời gian chuyển đi tăng thêm từ 10-30 ngày và hiệu quả khai thác giảm mạnh so với năm trước. Việc các tàu tham gia vận chuyển gạo neo chờ cầu bến dài ngày đã gây ra nhiều hệ lụy như cảng phí phát sinh nhiều, tốc độ khai thác giảm do hà bám vỏ tàu, chỉ số CII ở mức xấu.

Biến đổi khí hậu và những điều kiện thời tiết cực đoan bất thường, như tần xuất bão lớn dày đặc, mưa lũ liên tục kéo dài hàng tháng làm đình trệ mọi tác nghiệp hàng hoá kỵ nước, làm dồn ứ các tàu đến cảng gây tắc nghẽn cầu bến, hay gây gián đoạn chuỗi logistics cấp hàng sau

bão lũ trong năm 2024 đã gây ra những thiệt hại không nhỏ về hiệu quả kinh doanh cả năm của một số tàu như Vinaship Diamond, Vinaship Gold.

Mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước trong kỳ này khá thấp cũng làm thu nhập từ lãi tiền gửi VNĐ ngắn hạn của Công ty giảm so với năm 2023. Biến động tỷ giá USD/VNĐ lên xuống bất thường với biên độ lớn khiến chi phí chênh lệch tỷ giá trong một số kỳ hạch toán ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả cân đối kế toán của kỳ hạch toán đó.

❖ **Thuận lợi**

Những kết quả SXKD tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm trước của Công ty và việc tăng vốn điều lệ thành công lên 339,99 tỷ đã đảm bảo nguồn tài chính để giải ngân đúng tiến độ cho dự án xây dựng trụ sở Công ty, cũng như nguồn vốn đối ứng để thực hiện đầu tư trẻ hóa đội tàu Công ty.

Công ty cũng tạo dựng được mối quan hệ hợp tác lâu dài và được sử dụng ủng hộ từ một số khách hàng truyền thống trong việc ký kết hợp đồng nhiều chuyến liên tục (COA) vận chuyển xi măng, than cũng như dịch vụ thuê tàu ngoài đối với mặt hàng gạo xuất khẩu từ Việt Nam đi Indonesia. Trong năm 2024, công ty đã ký kết được một số hợp đồng COA xi măng và than với tổng sản lượng 320.800 MT tăng nhẹ so với chỉ tiêu kế hoạch. Trong khi hoạt động vận tải biển còn nhiều khó khăn, thì hoạt động dịch vụ thuê tàu ngoài năm 2024 ghi nhận những kết quả ấn tượng, tăng trưởng vượt bậc so với kế hoạch năm 2024.

Trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành dự án bán tàu Vinaship Star giữa tháng 6/2024 và bán tàu Vinaship Diamond cuối tháng 11/2024. Việc bán tàu này giúp Công ty giảm áp lực về chi phí sửa chữa lớn, đồng thời bổ sung nguồn vốn đối ứng để thực hiện đầu tư tàu mới nhằm trẻ hóa đội tàu Công ty. Sau hơn 10 năm không bổ sung thêm tấn trọng tải, việc thực hiện thành công dự án mua tàu hàng khô qua sử dụng Vinaship Unity (28.189 DWT đóng năm 2012), đánh dấu bước khởi đầu thuận lợi cho mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của đội tàu và vươn ra các tuyến khai thác mới không hạn chế bên ngoài khu vực Đông Nam Á.

Hoạt động tài chính, tuy nguồn thu từ lãi tiền gửi tiết kiệm giảm so với năm trước nhưng Công ty cũng được hưởng lợi khoảng 8,6 tỷ đồng từ chênh lệch tỷ giá trong năm 2024 do đánh giá lại nguồn tiền ngoại tệ dự trữ của Công ty phục vụ cho việc đầu tư tàu biển.

➤ **Các giải pháp đã thực hiện để hoàn thành/vượt kế hoạch/khắc phục/thúc đẩy hoàn thành kế hoạch SXKD.**

- Trong bối cảnh năng lực đội tàu suy giảm, hiệu suất quay vòng chuyến chân hàng xi măng ngày càng kém, mức độ rủi ro về thời tiết, tình trạng tắc nghẽn cầu bến ngày càng trầm trọng, Công ty cần trọng lựa chọn phương án khai thác hàng phù hợp. Mở rộng các kênh giao dịch hơn nữa để tăng cơ hội tiếp cận và lựa chọn chân hàng, tập trung khai thác chân hàng tuyến phụ để chạy kết hợp hàng 2 chiều, giảm đáng kể thời gian chạy rỗng. Loại bỏ các

phương án khai thác có rủi ro về ngày tàu chờ, thời gian chuyển dài, tuyến có tình hình thời tiết phức tạp. Khảo sát kỹ tình trạng cầu bến, mật độ tàu ghé cảng và liên tục cập nhật diễn biến trước khi tàu đến để chủ động việc thu xếp cầu bến, tránh chờ đợi. Kịp thời đảo tuyến, thay đổi chân hàng khai thác khi gặp những bất lợi về khai thác chân hàng hiện hữu.

- Tăng cường công tác kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu, rà soát tổng thể và tập trung việc nâng cao hiệu quả khai thác máy móc, trang thiết bị. Kịp thời can thiệp và có giải pháp về quản lý và kỹ thuật khi phát hiện tốc độ giảm bất thường. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi phí sửa chữa thường xuyên, và các hạng mục sửa chữa đầu bến.

- Tiếp tục triển khai các cơ hội phát triển dịch vụ thuê tàu ngoài theo hướng mở rộng chân hàng (nông sản, xi măng, clinker, phân bón, than) và phương thức thực hiện (chuyển, định hạn), xúc tiến hoạt động tiếp thị đến nhiều chủ tàu/nhà khai thác hơn để đảm bảo có nguồn cung tàu thường xuyên ổn định.

- Quyết liệt trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý và phê duyệt từ các cơ quan quản lý có thẩm quyền để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ Công ty lên 339,99 tỷ đồng, cũng như tích cực làm việc với Cục thuế Hải Phòng hoàn thuế GTGT trong năm 2024.

- Tăng cường các hoạt động tiếp thị, thông qua các đơn vị môi giới tìm kiếm các đối tác phù hợp để đưa thêm diện tích sàn thương mại vào sử dụng tại toà nhà số 14 Võ Nguyên Giáp, Lê Chân, Hải Phòng, góp phần tăng doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng.

- *Các công việc khác:* Với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và mang lại trải nghiệm tốt cho khách hàng, Vinaship đã từng bước đổi mới hệ thống quản trị và bộ máy tổ chức theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, tích cực áp dụng các giải pháp để nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp như: chuyển đổi số, áp dụng hệ thống Kaizen, Base để quản lý nâng cao năng suất hiệu quả lao động.

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh

❖ Các chỉ tiêu chính

Bảng 7: Các chỉ tiêu kinh doanh chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
1	Sản lượng vận tải	Tấn	1.192.800	1.364.700	114,41 %
2	Doanh thu HĐ SXKD	Tr Đồng	628.546	730.629	116,24%
a	Hoạt động vận tải biển	Tr Đồng	465.593	442.525	95,04%
b	Hoạt động tài chính	Tr Đồng	1.850	15.573	841,78%
c	Hoạt động dịch vụ	Tr Đồng	81.843	178.075	217,58%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
d	Thu khác	Tr Đồng	79.260	94.456	119,17%
3	Chi phí hoạt động SXKD và chi phí khác	Tr Đồng	570.575	648.479	113,65%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr Đồng	57.971	82.215	141,82%
a	Hoạt động vận tải biển	Tr Đồng	-25.003	-31.429	125,7%
b	Hoạt động tài chính	Tr Đồng	-2.067	11.340	-548,64
c	Hoạt động dịch vụ	Tr Đồng	5.961	8.467	142,04%
d	Lợi nhuận khác	Tr Đồng	79.080	93.837	118,66%

Trong năm 2024, Mặc dù lượng hàng ổn định nhưng mức cước vận tải đã suy giảm nhiều so với giai đoạn biến động sau đại dịch Covid-19. Công ty đã rất nỗ lực tận dụng cơ hội của thị trường, tập trung tối đa nguồn nhân lực khai thác các tuyến vận tải quốc tế, tăng thời gian vận doanh của đội tàu cũng như duy trì tình trạng kỹ thuật cho các tàu ổn định.

Hoạt động vận tải biển gặp nhiều khó khăn khiến doanh thu và lợi nhuận vận tải chưa đạt như kỳ vọng nhưng trong năm 2024, Vinaship đã đẩy mạnh và thành công trong các hoạt động dịch vụ như thuê tàu ngoài, cho thuê văn phòng, góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận; ngoài ra, việc bán thanh lý tàu cũng đã đem lại khoản doanh thu và lợi nhuận lớn, cùng với lợi nhuận từ hoạt động tài chính đã giúp Công ty hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2024. Công ty cũng đã thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ và tối ưu hóa hoạt động để đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh chi phí vận hành tăng.

Kết quả doanh thu đạt 730.629 triệu đồng đạt 116,24% so với kế hoạch năm. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 82.215 triệu đồng đạt 141,82% kế hoạch năm.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Hoạt động tài chính, tuy nguồn thu từ lãi tiền gửi tiết kiệm giảm so với năm trước nhưng Công ty cũng được hưởng lợi khoảng 8,6 tỷ đồng từ chênh lệch tỷ giá trong năm 2024 do đánh giá lại nguồn tiền ngoại tệ dự trữ của Công ty, góp phần thuận lợi cho việc đầu tư tàu.

Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1. <i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>	Lần		
+ Tài sản cố định/Tổng tài sản		0,22	0,51

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
+ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		0,62	0,44
2. Khả năng thanh toán	Lần		
+ Tỷ lệ nợ phải trả /tổng tài sản (Khả năng thanh toán hiện hành)		0,16	0,28
+ <u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn (Khả năng thanh toán nhanh)		3,5	3,05
+ Khả năng thanh toán bằng tiền Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn		2,24	1,32
3. Tỷ suất lợi nhuận	%		
+ Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu		6,06	10,59
+ Tỷ suất lợi nhuận /tổng tài sản		5,83	8,12
+ Tỷ suất lợi nhuận /vốn CSH		6,97	11,38

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2024, công ty thực hiện tốt các nội quy, quy chế liên quan đến hoạt động quản trị doanh nghiệp và quyền lợi người lao động. Trong điều kiện khó khăn chung về nhân lực thuyền viên, làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện và duy trì định biên cho các tàu đảm bảo quân số hoạt động liên tục, sẵn sàng điều động khi có nhu cầu. Việc thu xếp thay thế thuyền viên được tính toán lựa chọn thời gian địa điểm sao cho giảm thiểu chi phí nhập rời tàu.

Thực hiện công tác đánh giá rủi ro, ngăn ngừa hạn chế tổn thất đối với các tàu, giảm thiểu tối đa các sự cố lớn trong khai thác tàu, Ban điều hành đã chỉ đạo công tác tuyên truyền nâng cao ý thức thuyền viên trong việc thực hiện các công ước, bộ luật các quy định của quốc gia và quốc tế, tuân thủ các quy định hệ thống quản lý an toàn, an ninh và lao động hàng hải của công ty; tăng cường công tác kiểm tra thực tế trên tàu... Điều này đã góp phần đảm bảo cho đội tàu công ty hoạt động an toàn và hiệu quả. Công tác ngăn ngừa tổn thất đã luôn được quan tâm và đi trước một bước, đảm bảo được an toàn phương tiện, con người và hàng hóa.

Do vậy như theo số liệu thống kê của 05 năm gần đây tỷ lệ bồi thường bảo hiểm tương đối thấp nên mức phí bảo hiểm thân vỏ và P&I đội tàu hàng năm của Công ty luôn thấp hơn đội tàu các đơn vị khác.

Đẩy mạnh phong trào đổi mới sáng tạo và hoạt động cải tiến liên tục (Kaizen) giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh; nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; xây dựng văn hóa doanh nghiệp với thói quen tiết kiệm và hiệu quả trong từng chi tiết, từng thao tác nghiệp vụ và hoạt động sản xuất.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

➤ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Trong phương án kinh doanh năm 2025, Công ty lựa chọn kịch bản thị trường vận tải biển trên cơ sở chỉ số tàu hàng khô BDI: 1.600 ÷ 2.000 điểm, chỉ số giá cước cỡ tàu handysize (BHSI): 600 ÷ 700 điểm. Các tàu đều được xây dựng các chỉ tiêu kinh doanh theo khung TCE và OPS cost tương ứng.

Đội tàu hàng khô Vinaship trong năm 2025 dự kiến gồm 05 chiếc với tổng tấn trọng tải là 100.106 DWT, độ tuổi bình quân là 21,5 tuổi, trong đó có 02 tàu nhóm 22.000 – 27.000 DWT là 28 tuổi, 1 tàu nhóm 12.000 – 14.000 DWT là 17 tuổi, 1 tàu nhóm 6.500 – 10.000 DWT là 22 tuổi và 01 tàu trọng tải 28.189 DWT mới đầu tư trong cuối quý 4 năm 2024, trẻ nhất là 13 tuổi. Thời gian vận doanh trong năm 2025 của 5 chiếc tàu hiện có là 12 tháng. Kế hoạch đội tàu sẽ bổ sung thêm 01 tàu hàng khô trọng tải khoảng 30.000-35.000 DWT dự kiến đưa vào khai thác trong 6 tháng cuối năm 2025, 01 tàu tiếp theo do dự kiến hoàn thành trong khoảng cuối năm 2025 và đầu năm 2026 nên tạm thời chưa ghi nhận các chỉ tiêu khai thác của tàu này trong năm 2025. Tương tự, với tàu Vinaship Pearl dự kiến bán thanh lý trước 31/12/2025 nên kết quả khai thác tàu này dự kiến vẫn ghi nhận đủ 12 tháng. Trên cơ sở các yếu tố nội tại doanh nghiệp và tác nhân bên ngoài, căn cứ kịch bản thị trường như trình bày ở trên, Công ty đã xây dựng và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt một số chỉ tiêu kinh doanh chính cho năm 2025 như sau:

a) Hoạt động sản xuất kinh doanh

- | | |
|---|-----------------------|
| - Tổng sản lượng vận tải biển | : 1.600.000 tấn. |
| - Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh | : 701.195 triệu đồng. |
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | : 117.5 triệu đồng. |

b) Đầu tư, mua sắm tài sản

- Đầu tư 02 tàu hàng khô đã qua sử dụng, trọng tải từ 30.000 - 35.000 DWT trong năm 2025: 01 tàu dự kiến đầu tư trong nửa cuối quý II/2025, 01 tàu dự kiến đầu tư cuối tháng 12/2025 đầu tháng 1/2026 nếu điều kiện thuận lợi.

- Bán thanh lý tàu Vinaship Pearl, (loại tàu hàng khô, trọng tải 24.241 DWT, đóng năm 1996) chậm nhất trước ngày 31/12/2025 với giá trị thanh lý ước khoảng 60 tỷ đồng.

➤ **Kế hoạch phát triển trung và dài hạn**

Công ty tiếp tục tập trung vào mục tiêu duy trì ổn định hoạt động đội tàu, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Đội tàu công ty có độ tuổi tương đối cao, tình trạng kỹ thuật trang bị máy móc lạc hậu, quy mô tấn trọng tải và số lượng tàu ngày càng thu hẹp nên công tác đảm bảo an toàn cho đội tàu cần đặc biệt ưu tiên hàng đầu, Bộ phận kỹ thuật đưa ra các quy trình vận hành an toàn, hướng dẫn thuyền viên tàu tuân thủ nghiêm túc, thuyền viên tích cực tham gia công tác bảo quản bảo dưỡng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức cảnh giác cao trước mọi rủi ro trong hoạt động khai thác tàu, do các tổn thất liên quan đến mất an toàn, tai nạn sự cố thông thường để lại hậu quả lớn nhất.

Tiếp tục duy trì vận chuyển một số nhóm hàng như xi măng, clinker, than, nông sản, phân bón, kết hợp linh hoạt các hình thức cho thuê (chuyến, COA, định hạn dài, định hạn chuyến...), kết hợp tàu Công ty và tàu thuê ngoài khi thực hiện các hợp đồng vận chuyển, tăng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động thuê tàu ngoài. Xem xét các phương án kinh doanh khác như thuê tàu trần, thuê định hạn tàu biển thời gian dài để tăng năng lực đội tàu và giảm gánh nặng về vốn đầu tư. Nghiên cứu mô hình hợp tác liên kết với các đơn vị kinh doanh thương mại ở mức độ cao hơn như cùng góp vốn trong các thương vụ mua bán CIF, tham gia đấu thầu các hợp đồng vận chuyển quy mô lớn dài hạn.

Tích cực thu hút khách hàng trong mảng kinh doanh cho thuê toà nhà văn phòng, linh hoạt các hình thức, diện tích cho thuê đảm bảo sớm lấp đầy diện tích sàn chưa khai thác, đồng thời với việc hoàn thiện dịch vụ quản lý toà nhà chuyên nghiệp.

Xác định nhóm khách hàng quan trọng, khách hàng tiềm năng của công ty. Nghiên cứu, điều chỉnh các quy chế và quy trình nội bộ liên quan đến công tác bán hàng và cung cấp dịch vụ, quy trình thanh quyết toán tài chính, quy trình xử lý tranh chấp khiếu nại của khách hàng theo nguyên tắc “Lấy khách hàng làm trung tâm”

Định hướng tuyển, hình thức khai thác xuyên suốt trong năm là vừa duy trì phục vụ khách hàng cũ, vừa phát triển khách hàng mới thông qua việc đa dạng tuyển, phương thức khai thác.

➤ **Công tác khác**

- Cân đối dòng tiền để đảm bảo khả năng thanh toán đối với các tổ chức tín dụng, các nhà cung cấp, người lao động, nộp thuế..

- Đối với dự án đầu tư mua tàu: tính toán hiệu quả đầu tư, tính toán cân đối nguồn tài trợ vốn đầu tư phù hợp, khả thi với tình hình tài chính, khả năng trả nợ của công ty. Khi huy động nguồn vốn tài trợ từ các ngân hàng: Đàm phán với Ngân hàng thương mại các điều khoản trả nợ, lãi suất có lợi nhất. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả sử dụng vốn, đặc biệt là vốn vay.

- Tăng cường công tác huấn luyện nội bộ, đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng mềm online cho khối quản lý. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá và chấm lương 3Ps với khối quản lý theo KPI và mức độ hoàn thành công việc.
- Hoàn thiện các quy trình, quy chế, từng bước ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số vào công tác quản lý doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo qua việc khuyến khích thêm nhiều đề xuất Kaizen trong toàn Công ty.
- Triển khai các phương án cụ thể về tuân thủ quy định về chỉ số hiệu quả năng lượng đối với tàu hiện có (EEXI) và các biện pháp hạn chế công suất để đảm bảo phát thải theo đúng quy định và kế hoạch quản lý năng lượng tàu (SEEMP III) tuân thủ chỉ thị cường độ các bon (CII) theo sửa đổi bổ xung phụ lục 6 Marpol với mục tiêu thích ứng và giảm chuẩn bị thiếu những hệ lụy về kinh tế khi đội tàu già cũ phải tuân thủ các quy định

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN : Không có

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY: Đã báo cáo tại mục 6 phần II – Tình hình hoạt động trong năm

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2024

➤ Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2024

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh thực tiễn để ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền, cố gắng tận dụng các cơ hội thị trường và đàm phán với các tổ chức tín dụng để cùng công ty đạt được kết quả như sau:

- Tổng doanh thu: 730,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 82,2 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước : 43,82 tỷ đồng
- Bảo đảm được mức lương của CBCNV và thuyền viên theo mặt bằng chung của ngành.

Bảng 8 : Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2024

Tài sản (đồng)			Nguồn vốn (đồng)		
Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024	Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
Tài sản ngắn hạn	360.796.526.906	385.975.274.040	Nợ phải trả	231.694.514.575	101.288.491.088
Tài sản dài hạn	448.060.332.357	231.975.907.126	Vốn CSH	577.162.344.688	516.662.690.078
Tổng cộng	808.856.859.263	617.951.181.166	Tổng cộng	808.856.859.263	617.951.181.166

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2024

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của ban giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Ban giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, cũng như các quy chế quản lý nội bộ của công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và các cổ đông. Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập và quyền lợi cho người lao động, bảo toàn vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của HĐQT, ban điều hành và các cán bộ quản lý trong năm 2024.

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2025

- Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát;
- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2025 đạt hiệu quả;
- Năm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho công tác quản lý điều hành, hạn chế những rủi ro cho Công ty;
- Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty;
- Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết kiến nghị của Ban giám đốc, thảo luận thông qua các phương án, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Thảo luận các phương án, kế hoạch, chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty;
- Nghiên cứu phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt được kết quả kinh doanh cao nhất.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 10 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư ...

- Thành phần Hội đồng quản trị

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND	Ghi chú
Chủ tịch	Nguyễn Ngọc Ánh	26/11/1969	001069006969	
Phó Chủ tịch	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	040061000060	
Thành viên	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031076025495	
Thành viên	Phạm Bá Chính	01/3/1984	031084011342	
Thành viên	Vũ Thị Phương Thảo	17/8/1982	031182019415	Bổ nhiệm 26/4/2024

▪ **Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị**

1) Ông Nguyễn Ngọc Ánh

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Ngày sinh: 26/11/1969
 Nơi sinh: Ninh Bình
 Chứng minh nhân dân: 001069006969 Cấp ngày: 6/6/2016 Tại: Cục CS DLQG cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 3 đường Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/1992 – 10/2000	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Giảng viên khoa máy
11/2000 – 8/2002	Cục đăng kiểm Việt Nam	Chuyên viên phòng tàu biển
9/2002 – 9/2003	Công ty vận tải Biển Đông	Quyền trưởng phòng kỹ thuật vật tư

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
8/2004 – 11/2005	Công ty vận tải Biển Đông	Trưởng phòng kỹ thuật vật tư
12/2005 – 12/2007	Công ty vận tải Biển Đông	Trưởng phòng quản lý tàu
1/2007 – 8/2007	Công ty vận tải Biển Đông	Phó giám đốc
9/2007 – 8/2009	Công ty vận tải Biển Đông	Phó tổng giám đốc
8/2009 – 5/2010	Công ty vận tải Biển Đông	Quyền tổng giám đốc
6/2010 – 11/2013	Công ty TNHH MTV vận tải Biển Đông	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
12/2013 – 7/2016	Công ty TNHH MTV vận tải Biển Đông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
8/2016 – 3/2020	Công ty TNHH MTV vận tải Biển Đông	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3/2020 - 2023	Công ty TNHH MTV vận tải Biển Đông	Chủ tịch HĐQT
	Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	Thành viên HĐQT
	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Trưởng ban Ban vận tải biển

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 6.120.000 cổ phần (18% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Giang Thị Hải	Mẹ	Không	
2	Đinh Thị Thu Hằng	Vợ	Không	
3	Nguyễn Hồng Phúc	Con	Không	
4	Nguyễn Khánh Linh	Con	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Vương Ngọc Sơn:

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 23/7/1961

Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 040061000060 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Paris 05-12 Vinhomes Imperia, Phường Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986-1996	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
1997- 2006	Công ty Vận tải biển III	Kế toán trưởng
2007 – 4/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Thành viên HĐQT Kế toán trưởng
4/2013 – 11/2021	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc
11/2021 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 12.563 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ	Không	
2	Vương Minh Hải	Em	Không	
3	Vương Thanh Tùng	Con	Không	
4	Vương Việt Hòa	Con	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Dương Ngọc Tú: Đã trình bày ở trên

4) Ông Phạm Bá Chính:

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT
 Ngày sinh: 01/3/1984
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 030188207 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 30B/280 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
01/2018 – 12/2010	Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel –CN Hải Phòng	Kế toán chuyên quản
01/2011 – 02/2014	Ngân hàng TMCP Đại Á- CN Hải Phòng	Chuyên viên
02/2014 -8/2018	Ngân hàng TMCP Quốc dân – CN Hải Phòng	Giám đốc phòng GD
8/2018 – 6/2022	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng	Giám đốc phòng GD
6/2022 – 06/2023	Công ty CP tập đoàn Thành Thái	Tổng giám đốc
06/2023 -04/2023 nay	Công ty CP tập đoàn Thành Thái	Tổng giám đốc
	Công ty CP vận tải biển Vinaship	Thành viên HĐQT

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần sở hữu đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Xuân Bính	Bố đẻ	Không	
2	Nguyễn Thị Thái	Mẹ đẻ	Không	
3	Đào Ngọc An	Bố vợ	Không	
4	Nguyễn Bích Phượng	Mẹ vợ	Không	
5	Đào Thị Phương Vi	Vợ	Không	



STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
6	Phạm Như Ý	Con	Không	
7	Phạm Gia Hưng	Con	Không	
8	Phạm Minh Phúc	Con	Không	
9	Phạm Chính Nghĩa	Em	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

5) Bà Vũ Thị Phương Thảo

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 17/8/1982

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031182019415 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục CSQLHC về trật tự xã hội

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 12/1/125 Trung Kính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2006 – 5/2023	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên
6/2023 – 04/2024	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự
04/2024 đến nay	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự
	Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship	Thành viên HĐQT

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần đại diện: 5.100.000 cổ phần (15% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Huy Cường	Bố đẻ	Không	



STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
2	Trịnh Thị Thơ	Mẹ đẻ	Không	
3	Hoàng Ngôn Luận	Bố chồng	Không	
4	Trịnh Thị Chinh	Mẹ chồng	Không	
5	Vũ Huy Thành	Anh trai	Không	
6	Hoàng Quốc Phương	Chồng	Không	
7	Hoàng Uyên Chung	Con gái	Không	
8	Hoàng Bảo Hân	Con gái	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024**

Năm 2024, với mục tiêu chiến lược đã được xác định, với vai trò hết sức quan trọng là đại diện cho cổ đông Vinaship, Hội đồng quản trị Công ty đã cố gắng nỗ lực vượt lên những khó khăn, thách thức với một quyết tâm cao độ nhằm giữ ổn định và phát triển được doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, Hội đồng quản trị Vinaship đã tổ chức nghiêm túc 10 cuộc họp định kỳ đánh giá tình hình theo Quý và Ban hành các Nghị quyết cụ thể để định hướng Ban điều hành triển khai quyết liệt mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tổng kết và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, sơ kết kết quả kinh doanh các quý năm 2024.
- Xây dựng chương trình và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2024, lập kế hoạch năm 2025.
- Giám sát và phê chuẩn các hợp đồng tín dụng, phương án cơ cấu tài chính Công ty, giám sát tốc độ thực hiện dự án xây dựng trụ sở mới của công ty đã được thông qua.
- Xây dựng và giao đơn giá tiền lương năm 2024.
- Xây dựng các phương án mở rộng thị trường vận tải và thúc đẩy các hoạt động sản xuất dịch vụ. Theo dõi biến động thị trường để chỉ đạo Ban giám đốc điều hành khai thác tàu phù hợp.

- Chỉ đạo và giám sát Ban giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, giám sát đơn giá sửa chữa đội tàu, bố trí sửa chữa đội tàu một cách hợp lý, khoa học để khai thác tối đa ngày vận doanh của tàu.
- Chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ nhân lực.
- Lựa chọn và hợp đồng thuê Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Các quyết định về chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh thông qua tại các phiên họp hoặc qua thư tín đều nhận được sự nhất trí của các thành viên tham dự cuộc họp. Các nghị quyết thông qua đều được Hội đồng quản trị ủy nhiệm cho Ban điều hành thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.

➤ **Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và hàng quý; tổ chức các phiên họp định kỳ (hàng quý) để tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích thị trường và lập kế hoạch cho quý tiếp theo và tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các vấn đề phát sinh; theo dõi và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các dự án, đề án mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Về cơ bản các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban giám đốc triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao.

2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	Ghi chú
Trưởng ban	Lã Thị Liên Hương	26/4/1978	
Thành viên	Nguyễn Hà Thanh	14/5/1973	
Thành viên	Phan Văn Hưng	11/7/1979	

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

1) Bà Lê Thị Liên Hương

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát,
 Ngày sinh: 26/4/1978
 Nơi sinh: Vĩnh Phúc
 Chứng minh nhân dân: 011868583 do Công an Thành phố Hà Nội cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: P1604 CT1 Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
2000-2004	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm	Kế toán bán hàng
2005-9/2009	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm	Cửa hàng trưởng
11/2009-11/2010	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên Ban KTNB
11/2010-1/2016	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên Ban KTNB
1/2016 - 2017	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên Ban TCKT
2017 đến nay	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên Ban TCKT
	Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship	Trưởng ban kiểm soát

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thế Diễm	Chồng	Không	
2	Vũ Hương Giang	Con gái	Không	
3	Vũ Bình Minh	Con trai	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Phan Văn Hưng

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 11/7/1979

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031079002752 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 2/81 đường Ngô Gia Tự, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
09/2001-06/2007	VIDPublic Bank – CN Hải Phòng	Chuyên viên thanh toán quốc tế, Chuyên viên tín dụng
07/2007-04/2011	Công ty quản lý quỹ Hải Phòng	Trưởng phòng phân tích & Đầu tư, phòng tư vấn
05/2011-04/2016	SeA Bank – CN Hải An	Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp
04/2016-12/2019	Vietcapital Bank- CN Hải Phòng	Giám đốc chi nhánh
01/2019-10/2022	Viet bank – CN Hải Phòng	Giám đốc chi nhánh
10/2022 đến nay	Công ty cổ phần Container Việt Nam	Giám đốc tài chính
04/2023 – 04/2023	Công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	TV HĐQT
04/2023 đến nay	Công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	TV HĐQT
	Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship	TV BKS

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Phan Tuấn	Bố đẻ	Không	
2	Nguyễn Thị Sợt	Mẹ đẻ	Không	
3	Phan Nguyễn Hương Nhi	Con	Không	
4	Phan Nguyễn Linh Nhi	Con	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Bà Nguyễn Hà Thanh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 14/5/1973

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 00111438084 do Cục CS quản lý hành chính về TTXH cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Ngô Quyền, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1995 -2005	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông	Nhân viên
2005 - 2007	Công ty CP Chứng khoán Thủ đô	Nhân viên
2007 - 2012	Công ty tư vấn Hàng hải – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên kế toán
2012 – 05/2022	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên kế toán
05/2022 đến nay	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên kế toán
	Công ty CP vận tải biển Vinaship	TV Ban kiểm soát

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Không

Số cổ phần đại diện: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Quyền	Bố	Không	
2	Nguyễn Thị Sang	Mẹ	Không	
3	Nguyễn Thị Thanh Hà	Chị	Không	

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty**

▪ Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã định kỳ thực hiện công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong điều lệ, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng để Hội đồng quản trị và Ban điều hành có thêm ý kiến về các kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và những khó khăn thuận lợi trong sản xuất.

▪ Ban kiểm soát đã có kế hoạch và lịch làm việc báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt và đã thực hiện 2 kỳ kiểm tra báo cáo tài chính của công ty. Mỗi lần kiểm tra, Ban kiểm soát đều lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra, các nhận xét đánh giá, các kiến nghị và lập báo cáo gửi Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Qua các kỳ kiểm tra Ban kiểm soát đã thống nhất các số liệu trong báo cáo tài chính, đồng thời thường xuyên kiểm tra và nhắc nhở việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy chế và quy định của công ty, kiểm tra chặt chẽ các hồ sơ chứng từ trong hạch toán kế toán.

▪ Ban kiểm soát luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2024

a) Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26/4/2024 và Biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, năm 2024 Công ty đã thực hiện chi trả tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 5.000.000 đ/tháng
- Phó Chủ tịch HĐQT : 4.000.000 đ/tháng
- Thành viên HĐQT : 4.000.000 đ/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 4.000.000 đ/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 đ/tháng
- Người phụ trách quản trị/ Thư ký công ty : 2.000.000 đ/tháng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (tính đến ngày 31/12/2024)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023		Năm 2024	
			Số cp	Tỷ trọng	Số cp	Tỷ trọng
Hội đồng quản trị						
1	Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch	-	-	-	-
2	Vương Ngọc Sơn	P.Chủ tịch	7.390	0,04%	12.563	0,04%
3	Dương Ngọc Tú	Thành viên	15.000	0,08%	25.500	0,08%
4	Phạm Bá Chính	Thành viên	-	-	-	-
5	Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên	-	-	-	-
Ban giám đốc						
1	Dương Ngọc Tú	Tổng GD	15.000	0,08%	25.500	0,08%
2	Lê Văn Thái	P.Tổng GD	-	-	-	-
3	Đoàn Minh Thân	P.Tổng GD	300	0,0015%	510	0,0015%
Ban Kiểm soát						
1	Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	-	-	-	-
2	Phan Văn Hưng	Thành viên	-	-	-	-
3	Nguyễn Hà Thanh	Thành viên	-	-	-	-

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH
1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 5 tòa B2 Roman Plaza đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: +84-24 56783999

Website: www.uhy.vn

● Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính và tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán sau đây:

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

2. Kiểm toán nội bộ: không có

3. Báo cáo tài chính (kèm theo)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK Hà Nội;
- Lưu tổ thư ký.

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
TỔNG GIÁM ĐỐC


Đương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN
TẢI BIỂN
VINASHIP

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN TẢI
BIỂN VINASHIP
Date: 2025.03.18
08:53:22 +07'00'

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch	
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên	
Bà Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên	Bỏ nhiệm kể từ ngày 26/04/2024
Ông Phạm Tuấn Hải	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 26/04/2024
Ông Phạm Bá Chính	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/07/2024
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Minh Thân	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm kể từ ngày 11/12/2024

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Liên Hương	Trưởng ban
Ông Phan Văn Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Thanh Hương

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, Chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 05 đến trang 42 Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *bt*



Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025



Số: 111/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 42 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Ngô Anh Dũng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2021-112-1

Mẫu số B01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		360.796.526.906	385.975.274.040
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	138.606.671.177	225.987.361.934
Tiền	111		136.267.728.164	209.287.361.934
Các khoản tương đương tiền	112		2.338.943.013	16.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	133.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	133.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.062.057.194	47.602.208.386
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.074.002.063	31.159.016.260
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.861.167.936	11.503.707.808
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.628.579.048	14.446.176.171
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	9	(9.501.691.853)	(9.506.691.853)
Hàng tồn kho	140	10	39.930.054.145	32.106.173.765
Hàng tồn kho	141		39.930.054.145	32.106.173.765
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.197.744.390	20.279.529.955
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	2.261.518.985	3.023.525.620
Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.374.616.331	14.725.601.561
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.561.609.074	2.530.402.774
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		448.060.332.357	231.975.907.126
Tài sản cố định	220		416.472.851.428	141.314.569.972
Tài sản cố định hữu hình	221	12	416.472.851.428	141.263.231.062
- Nguyên giá	222		1.211.733.151.966	1.326.964.611.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(795.260.300.538)	(1.185.701.380.654)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	51.338.910
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(664.654.500)	(613.315.590)
Bất động sản đầu tư	230	14	2.640.417.397	3.432.542.629
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.059.587.254)	(20.267.462.022)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.224.343.997	49.739.044.253
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.224.343.997	49.739.044.253
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	309.068	87.993.205
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	1.437.338	537.428.525
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(1.128.270)	(449.435.320)
Tài sản dài hạn khác	260		27.722.410.467	37.401.757.067
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	27.722.410.467	37.401.757.067
TỔNG TÀI SẢN	270		808.856.859.263	617.951.181.166

Mẫu số B01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		231.694.514.575	101.288.491.088
Nợ ngắn hạn	310		105.057.390.517	101.082.986.473
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	27.605.100.104	15.773.786.919
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.000.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	11.007.654.829	8.485.574.040
Phải trả người lao động	314		24.508.693.095	32.161.538.989
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	5.042.676.756	1.653.991.957
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	777.524.935	399.673.505
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	4.390.253.126	28.263.829.853
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	20.905.357.144	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.820.130.528	12.344.591.210
Nợ dài hạn	330		126.637.124.058	205.504.615
Phải trả dài hạn khác	337	20	900.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	125.432.142.856	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		304.981.202	205.504.615
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		577.162.344.688	516.662.690.078
Vốn chủ sở hữu	410	22	577.162.344.688	516.662.690.078
Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		170.411.314.026	146.220.778.825
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.751.430.662	170.441.911.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.030.197.917	134.409.929.924
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		65.721.232.745	36.031.981.329
TỔNG NGUỒN VỐN	440		808.856.859.263	617.951.181.166

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Đương Ngọc Tú

Mẫu số B02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	620.600.948.687	593.844.082.552
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		620.600.948.687	593.844.082.552
Giá vốn hàng bán	11	25	601.829.708.809	581.327.898.831
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.771.239.878	12.516.183.721
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	15.573.195.373	21.348.661.418
Chi phí tài chính	22	27	4.181.484.507	8.839.046.784
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		781.803.082	2.862.441.692
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	28	9.550.182.520	11.841.439.097
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	32.198.601.783	23.800.914.778
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.585.833.559)	(10.616.555.520)
Thu nhập khác	31	29	94.456.665.929	58.782.937.119
Chi phí khác	32	30	656.154.743	3.041.471.568
Lợi nhuận khác	40		93.800.511.186	55.741.465.551
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.214.677.627	45.124.910.031
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	16.393.968.295	7.997.131.689
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	99.476.587	1.095.797.013
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.721.232.745	36.031.981.329
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		65.721.232.745	36.031.981.329
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.933	906
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	1.933	906

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Đương Ngọc Tú

Mẫu số B03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		82.214.677.627	45.124.910.031
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		67.661.749.926	88.169.952.686
Các khoản dự phòng	03		(52.057.200)	(3.947.965.151)
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.487.370.687)	(1.029.333.924)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(93.769.034.537)	(9.885.339.325)
Chi phí lãi vay	06		781.803.082	2.862.441.692
Các điều chỉnh khác	07		-	(58.628.174.289)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.349.768.211	62.666.491.720
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		9.887.474.452	(15.093.474.142)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(7.823.880.380)	26.143.768.670
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.578.404.372)	(56.049.203.125)
Giảm chi phí trả trước	12		10.441.353.235	14.981.847
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.503.641.077)	(2.277.205.598)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.917.613.598)	(8.552.244.490)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.100.000	2.980.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.383.138.817)	(1.505.623.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.480.017.654	5.350.471.382
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(320.732.099.161)	(58.615.723.315)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		129.063.137.847	55.003.367
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(165.800.000.000)	(171.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		92.800.000.000	234.254.520.548
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		100.054.752	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.514.461.547	10.409.238.821
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(261.054.445.015)	14.403.039.421

Mẫu số B03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		146.337.500.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(36.018.450.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		139.737.500.000	(36.018.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(88.836.927.361)	(16.264.939.197)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	225.987.361.934	241.232.955.468
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.456.236.604	1.019.345.663
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	138.606.671.177	225.987.361.934

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Dương Ngọc Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09 - DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (“Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 30 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 14 Võ Nguyên Giáp, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 339.999.600.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 339.999.600.000 đồng; tương đương 33.999.960 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 459 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 477 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 31/12/2024 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cho thuê văn phòng
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Tại ngày 31/12/2024 Công ty có công ty con sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	100%	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động vận tải biển đối với các loại hàng rời như gạo, xi măng, than, phân bón... Thị trường vận tải biển cho nhóm hàng này đang dần ổn định, cước phí vận chuyển có xu hướng hạ nhiệt sau giai đoạn biến động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Kế thừa những thành công vượt bậc trong những năm trước, Công ty đã đề ra các kế hoạch kinh doanh đổi mới và đột phá nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí và gia tăng lợi thế cạnh tranh trong những năm tới:

- Thanh lý tàu cũ và đầu tư tàu mới: Công ty đã thực hiện bán tàu Vinaship Star (tháng 06/2024) và tàu Vinaship Diamond (tháng 11/2024) để tái cơ cấu đội tàu. Đến tháng 12/2024, công ty đầu tư tàu mới Vinaship Unity trọng tải 28.189 DWT, nâng cao năng lực vận tải và đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tăng vốn chủ sở hữu: Trong năm, Công ty cũng đã thực hiện tăng vốn chủ sở hữu từ 200 tỷ lên 340 tỷ qua đó tăng cường nguồn lực tài chính và khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường vận tải biển.
- Vay ngân hàng để mua tàu mới với cơ cấu 50% vốn tự có và 50% vốn vay từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng qua đó ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính của Công ty.

Trong năm, Công ty cũng đã đẩy mạnh hoạt động thuê tàu ngoài để phục vụ sản xuất, góp phần quan trọng vào doanh thu. Nhờ hoạt động kinh doanh hiệu quả, doanh nghiệp đạt được lợi nhuận gộp dương, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận chung.

Những hoạt động này đã ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính của Vinaship trong năm 2024: Lợi nhuận tăng đột biến chủ yếu đến từ việc thanh lý tàu cũ và đầu tư tàu mới giúp cải thiện hiệu quả khai thác, tăng doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 202) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.5 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Phần mềm quản lý	03

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.9 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí sửa chữa các tàu lên đà: Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 05 năm 02 lần.

- Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm thể hiện khoản tiền bảo hiểm đã trả cho dịch vụ bảo hiểm của Công ty đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

- Chi phí trả trước khác: Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ chờ phân bổ,... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.12 VAY

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3.17 DOANH THU*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển, văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu bán hàng

Doanh phát sinh kèm theo hoạt động thanh lý tàu và cho thuê hoạt động, công ty kết hợp bán nhiên liệu trên tàu. Doanh thu được ghi nhận khi hai bên nghiệm thu số nhiên liệu đã sử dụng hoặc đã bàn giao kèm theo tàu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Trong kỳ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	673.792.000	582.501.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	135.593.936.164	208.704.860.934
- Các khoản tương đương tiền	2.338.943.013	16.700.000.000
Cộng	138.606.671.177	225.987.361.934

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	133.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	133.000.000.000	60.000.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND	%
Đầu tư vào đơn vị khác (*)	1.437.338	(1.128.270)	423.200	0%	537.428.525	(449.435.320)	88.547.200	0%
+ CTCP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam - VST	1.369.070	(1.128.270)	240.800	0%	537.018.920	(449.435.320)	87.583.600	0%
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB	68.268	-	182.400	0%	409.605	-	963.600	0%
Cộng	1.437.338	(1.128.270)	423.200		537.428.525	(449.435.320)	88.547.200	

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	11.074.002.063	(2.159.204.279)	31.159.016.260	(2.164.204.279)
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	(1.104.934.000)	1.104.934.000	(1.104.934.000)
- New Hightest Marine CO., LTD	427.560.660	-	-	-
- Easting Shipping Management Ltd	-	-	2.931.529.170	-
- Bright Spring International Ltd	-	-	3.363.917.932	-
- R&S Trader Pte Ltd, Singapore	352.647.000	-	14.780.156.866	-
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ xăng dầu Thiên Phúc	616.248.287	-	3.147.487	-
- Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip	1.033.353.396	-	1.061.895.852	-
- Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	2.009.134.476	-	309.241.368	-
- Phải thu khách hàng khác	5.530.124.244	(1.054.270.279)	7.604.193.585	(1.059.270.279)
Cộng	11.074.002.063	(2.159.204.279)	31.159.016.260	(2.164.204.279)

Phải trả người bán là bên liên quan chi tiết trình bày tại thuyết minh 36.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	1.861.167.936	-	11.503.707.808	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu	1.312.546.987	-	2.740.379.814	-
- Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	-	-	3.266.400.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đầu tư miền Duyên Hải	-	-	1.110.447.797	-
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng GM	-	-	3.393.672.846	-
- Trả trước cho người bán khác	548.620.949	-	992.807.351	-
Cộng	1.861.167.936	-	11.503.707.808	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	1.477.265.756	-	1.101.568.492	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	177.127.032	-	251.227.132	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	8.301.616	-	9.520.056	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	12.811.854	-	14.312.376	-
- Tạm ứng	2.237.847.707	-	2.983.923.322	-
- Ký quỹ, ký cược	32.000.000	-	742.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển dương Vinashin	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Phải thu tiền bảo hiểm tàu	4.287.420.941	-	1.935.659.086	-
- Phải thu khác	53.316.568	-	65.478.133	-
Cộng	15.628.579.048	(7.342.487.574)	14.446.176.171	(7.342.487.574)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị	Dự phòng
	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	có thể thu hồi VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	(7.342.487.574)	7.342.487.574	-	(7.342.487.574)
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	(1.104.934.000)	1.104.934.000	-	(1.104.934.000)
- Các đối tượng khác	1.054.270.279	-	(1.054.270.279)	1.059.270.279	-	(1.059.270.279)
Cộng	9.501.691.853	-	(9.501.691.853)	9.506.691.853	-	(9.506.691.853)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	38.164.830.442	-	32.055.438.765	-
- Công cụ, dụng cụ	26.975.000	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.738.248.703	-	50.735.000	-
Cộng	39.930.054.145	-	32.106.173.765	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Mua sắm TSCĐ	267.000.000	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ	957.343.997	1.124.146.300
- Dự án xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	-	48.614.897.953
Cộng	1.224.343.997	49.739.044.253

(*) Thông tin về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới và cho thuê văn phòng làm việc;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8, khu đô thị Hồ Sen – Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu: 96 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2024;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2024: Đã thực hiện đưa vào sử dụng trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	7.377.675.306	60.431.830	1.319.246.677.463	279.827.117	1.326.964.611.716
- Mua trong năm	-	5.042.465.194	293.443.597.635	219.174.980	298.705.237.809
- Đầu tư XDCB hoàn thành	76.012.537.360	-	-	5.850.000.001	81.862.537.361
- Thanh lý, nhượng bán	(46.958.605)	-	(495.752.276.315)	-	(495.799.234.920)
31/12/2024	83.343.254.061	5.102.897.024	1.116.937.998.783	6.349.002.098	1.211.733.151.966
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(5.964.917.839)	(60.431.830)	(1.179.459.648.957)	(216.382.028)	(1.185.701.380.654)
- Khấu hao trong năm	(1.747.694.914)	(411.365.071)	(63.879.813.317)	(779.412.482)	(66.818.285.784)
- Thanh lý, nhượng bán	46.182.252	-	457.213.183.648	-	457.259.365.900
31/12/2024	(7.666.430.501)	(471.796.901)	(786.126.278.626)	(995.794.510)	(795.260.300.538)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	1.412.757.467	-	139.787.028.506	63.445.089	141.263.231.062
31/12/2024	75.676.823.560	4.631.100.123	330.811.720.157	5.353.207.588	416.472.851.428

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 291.265.856.092 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 128.179.262.572 đồng).
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 342.653.403.570 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 108.004.112.340 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	664.654.500	664.654.500
31/12/2024	<u>664.654.500</u>	<u>664.654.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(613.315.590)	(613.315.590)
- Khấu hao trong năm	(51.338.910)	(51.338.910)
31/12/2024	<u>(664.654.500)</u>	<u>(664.654.500)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>51.338.910</u>	<u>51.338.910</u>
31/12/2024	<u>-</u>	<u>-</u>

- Nguyên giá tài sản vô hình của Công ty đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 664.654.500 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 307.654.500 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	23.700.004.651	-	-	23.700.004.651
- Nhà	2.627.505.019	-	-	2.627.505.019
- Cơ sở hạ tầng	21.072.499.632	-	-	21.072.499.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(20.267.462.022)	(792.125.232)	-	(21.059.587.254)
- Nhà	(2.627.505.019)	-	-	(2.627.505.019)
- Cơ sở hạ tầng	(17.639.957.003)	(792.125.232)	-	(18.432.082.235)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	3.432.542.629	-	(792.125.232)	2.640.417.397
- Nhà	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	3.432.542.629	-	(792.125.232)	2.640.417.397

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn đang cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6.546.020.001 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 6.259.455.501 đồng);
- Trong kỳ doanh thu phát sinh từ bất động sản là: 3.089.256.277 đồng;
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 23.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này do chưa có thị trường sẵn có cho các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.261.518.985	3.023.525.620
- Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.198.968.985	2.785.453.620
- Các khoản khác	62.550.000	238.072.000
b) Dài hạn	27.722.410.467	37.401.757.067
- Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	25.668.724.065	37.325.161.511
- Chi phí trả trước trang thiết bị toà nhà	1.829.180.746	-
- Các khoản khác	224.505.656	76.595.556
Cộng	29.983.929.452	40.425.282.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	27.605.100.104	27.605.100.104	15.773.786.919	15.773.786.919
- PT Indofuels Limited	8.521.857.720	8.521.857.720	-	-
- Công ty Cổ phần dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	1.832.176.000	1.832.176.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng GM	3.512.784.658	3.512.784.658	-	-
- Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Thành Long	6.367.400.000	6.367.400.000	4.434.000.000	4.434.000.000
- Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật xanh	618.099.040	618.099.040	1.366.003.360	1.366.003.360
- Các đối tượng khác	6.752.782.686	6.752.782.686	9.973.783.559	9.973.783.559
Cộng	27.605.100.104	27.605.100.104	15.773.786.919	15.773.786.919

Chi tiết phải trả người bán là bên liên quan trình bày tại thuyết minh 36.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	775.477.526	27.115.749.671	27.039.775.089	851.452.108
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	588.446.837	588.446.837	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.541.898.550	16.393.968.295	13.895.922.105	10.039.944.740
- Thuế Thu nhập cá nhân	168.197.964	505.792.219	557.732.202	116.257.981
- Thuế Môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	747.398.792	747.398.792	-
- Thuế Bảo vệ môi trường	-	455.107.000	455.107.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	508.546.779	508.546.779	-
	8.485.574.040	46.322.009.593	43.799.928.804	11.007.654.829
	01/01/2024	Số phải nộp/đã khấu trừ trong năm	Số phải thu/thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.530.402.774	990.485.193	-	1.539.917.581
- Thuế TNDN nộp thừa	-	-	21.691.493	21.691.493
	2.530.402.774	990.485.193	21.691.493	1.561.609.074



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.042.676.756	1.653.991.957
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	4.276.396.773	1.653.991.957
- Trích trước chi phí lãi vay	156.360.616	-
- Trích trước chi phí XDCB lô đất TM8	231.481.481	-
- Các khoản trích trước khác	378.437.886	-
Cộng	5.042.676.756	1.653.991.957

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	-	367.352.964
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	777.524.935	32.320.541
Cộng	777.524.935	399.673.505

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.390.253.126	28.263.829.853
- Kinh phí công đoàn	744.000	1.000.000
- Bảo hiểm y tế	55.640.320	98.694.731
- Bảo hiểm thất nghiệp	135.738.001	3.674.333
- Nhận ký quỹ, ký cược	24.000.000	356.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.375.000	7.107.375.000
- Phải trả lãi vay	-	18.410.934.152
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.471.921.383	1.586.197.576
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.194.834.422	699.954.061
b) Dài hạn	900.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	900.000.000	-
Cộng	5.290.253.126	28.263.829.853

Chi tiết phải trả khác là bên liên quan trình bày tại thuyết minh 36.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	20.905.357.144	20.905.357.144	41.810.714.288	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>20.905.357.144</i>	<i>20.905.357.144</i>	<i>20.905.357.144</i>			
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	20.905.357.144	20.905.357.144	20.905.357.144	-	-	-
b) Vay dài hạn	125.432.142.856	125.432.142.856	146.337.500.000	20.905.357.144	-	-
<i>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</i>	<i>125.432.142.856</i>	<i>125.432.142.856</i>	<i>146.337.500.000</i>	<i>20.905.357.144</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	125.432.142.856	125.432.142.856	146.337.500.000	20.905.357.144	-	-
Cộng	146.337.500.000	146.337.500.000	188.148.214.288	20.905.357.144	-	-

(*) Hợp đồng tín dụng số 221/2024/HĐCV ngày 12/11/2024. Hạn mức tối đa 151.879.475.000 đồng, thời hạn vay từ khi nhận nợ 84 tháng, mục đích vay để đầu tư mua tàu Vinaship Unity. Tài sản thế chấp là tàu Vinaship Unity. Khế ước nhận nợ lần 01 ngày 27/11/2024 số tiền 146.337.500.000 đồng lãi suất cố định cho 2 năm đầu tiên, các năm tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất VND tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau của MSB + margin 1,5%/năm kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng 1 lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	200.000.000.000	83.086.506.355	210.824.169.784	493.910.676.139
- Lãi trong năm trước	-	-	36.031.981.329	36.031.981.329
- Phân phối lợi nhuận	-	63.134.272.470	(76.414.239.860)	(13.279.967.390)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	63.134.272.470	(63.134.272.470)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.279.967.390)	(13.279.967.390)
31/12/2023	200.000.000.000	146.220.778.825	170.441.911.253	516.662.690.078
01/01/2024	200.000.000.000	146.220.778.825	170.441.911.253	516.662.690.078
- Lãi trong năm nay	-	-	65.721.232.745	65.721.232.745
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần (*)	139.999.600.000	(139.999.600.000)	-	-
- Phân phối lợi nhuận (**)	-	164.190.135.201	(169.411.713.336)	(5.221.578.135)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	164.190.135.201	(164.190.135.201)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.221.578.135)	(5.221.578.135)
31/12/2024	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 và biên bản 05/2024/HĐQT ngày 14/05/2024 về việc thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu. Nguồn vốn cổ phần tăng thêm được lấy từ Quỹ đầu tư phát triển, tỷ lệ phát hành là 70%, 13.999.960 cổ phiếu phát hành thành công vào ngày 01/07/2024.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, trong đó thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022, 2023 của Công ty cho Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 5.044.477.385 đồng, Quỹ Đầu tư phát triển là 164.006.585.779 đồng và trích Quỹ thưởng người quản lý 177.100.750 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	góp vốn	VND	góp vốn
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	173.400.000.000	51,00%	102.000.000.000	51,00%
- Công ty Cổ phần Container Việt Nam Viconship	136.032.400.000	40,01%	-	0,00%
- Các cổ đông khác	30.567.200.000	8,99%	98.000.000.000	49,00%
Cộng	339.999.600.000	100%	200.000.000.000	100%

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	139.999.600.000	-
+ Vốn góp cuối năm	339.999.600.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.999.960	-
- Cổ phiếu phát hành trong kỳ	13.999.960	-
+ Cổ phiếu phổ thông	13.999.960	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	33.999.960	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

22.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	170.411.314.026	146.220.778.825
Cộng	170.411.314.026	146.220.778.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

23.1 TÀI SẢN CHO THUÊ NGOÀI

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

Tài sản cho thuê ngoài	31/12/2024	01/01/2024
- Từ 1 năm trở xuống	6.536.940.982	1.991.144.270
- Từ 1 đến 5 năm	18.288.181.818	200.909.091
Cộng	24.825.122.800	2.192.053.361

23.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m². Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

23.3 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
- Dollar Mỹ (USD)	5.001.736,43	7.845.081,06

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu hoạt động vận tải biển	442.525.193.398	504.442.734.644
- Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	106.838.482.329	38.389.768.899
- Doanh thu cho thuê bất động sản	3.089.256.277	3.282.941.874
- Doanh thu cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa	51.226.508.365	45.889.586.355
- Doanh thu bán hàng	13.420.052.856	47.382.060
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	3.501.455.462	1.791.668.720
Cộng	620.600.948.687	593.844.082.552

Doanh thu với các bên liên quan:

	7.623.828.589	2.149.008.046
--	----------------------	----------------------

Chi tiết doanh thu bên liên quan trình bày tại thuyết minh 36.1

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hoạt động vận tải biển	436.386.575.181	500.362.415.513
- Giá vốn hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	102.604.629.347	36.555.082.376
- Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	1.812.536.867	1.235.171.096
- Giá vốn cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa	46.645.999.517	42.020.264.750
- Giá vốn bán hàng	12.947.606.865	47.339.590
- Giá vốn cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác	1.432.361.032	1.107.625.506
Cộng	601.829.708.809	581.327.898.831

Chi tiết mua hàng bên liên quan trình bày tại thuyết minh số 36.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	3.929.101.824	9.830.335.958
- Lãi bán cổ phiếu VCB	583.663	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.156.139.199	10.488.991.536
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.487.370.687	1.029.333.924
Cộng	15.573.195.373	21.348.661.418

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	781.803.082	2.862.441.692
- Lỗ bán chứng khoán	35.269.320	-
- (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(47.057.200)	6.737.200
- Chi phí tài chính khác	65.097.868	112.879
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.346.371.437	5.969.755.013
Cộng	4.181.484.507	8.839.046.784

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng	9.550.182.520	11.841.439.097
- Hoa hồng phí cho các tàu	9.550.182.520	11.841.439.097
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	32.198.601.783	23.800.914.778
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.673.758.790	1.247.240.969
- Chi phí nhân công	21.262.078.678	20.552.413.786
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.058.848.739	797.247.177
- Thuế, phí và lệ phí	321.857.574	7.000.000
- (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(5.000.000)	(3.954.702.351)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.546.952.636	1.836.649.218
- Chi phí bằng tiền khác	3.340.105.366	3.315.065.979
Cộng	41.748.784.303	35.642.353.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập do được giảm lãi phạt từ ngân hàng	4.532.735.541	-
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay các ngân hàng sau khi chuyển giao cho DATC	-	58.628.174.289
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	129.177.500.000	55.003.367
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	(39.327.880.702)	-
- Các khoản khác	74.311.090	99.759.463
Cộng	94.456.665.929	58.782.937.119

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tiền thuê đất tại khu đất TM8	347.538.500	2.583.972.067
- Các khoản bị phạt	8.546.779	150.733.480
- Các khoản chi phí khác	300.069.464	306.766.021
Cộng	656.154.743	3.041.471.568

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	16.294.686.480	7.831.923.837
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	99.281.815	165.207.852
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.393.968.295	7.997.131.689
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	10.039.944.740	7.541.898.550

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	99.476.587	205.504.615
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	890.292.398
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	99.476.587	1.095.797.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	192.769.376.089	208.533.050.641
- Chi phí nhân công	108.581.916.146	100.053.410.082
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.661.749.926	88.169.952.686
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.847.756.827	205.090.251.118
- Chi phí bằng tiền khác	11.513.335.962	8.759.833.660
Cộng	632.374.134.950	610.606.498.187

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (VND)	65.721.232.745	36.031.981.329
- Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(5.221.578.135)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ	65.721.232.745	30.810.403.194
- Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ là (**)	33.999.960	33.999.960
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	1.933	906

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa có số liệu để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024. Số liệu sẽ được căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đã được điều chỉnh do Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024

(**) Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ đã được điều chỉnh cho cả năm 2023 do công ty đã phát hành cổ phiếu phổ thông tăng vốn từ Quỹ đầu tư và phát triển lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024. Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 trước điều chỉnh là 1.802 VND/CP.

35. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2024, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

STT	Công ty	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng tập đoàn
3	Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Cùng tập đoàn
4	Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	Bên liên quan của cổ đông lớn
5	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	Bên liên quan của cổ đông lớn
6	Công ty CP Vận tải biển Việt Nam - Vosco	Cùng tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	Cùng tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip	Bên liên quan của cổ đông lớn
9	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh	Bên liên quan của cổ đông lớn
10	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Bên liên quan của cổ đông lớn
11	Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.623.828.589	2.149.008.046
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	1.248.616.503	1.334.306.046
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	124.600.000	814.702.000
- Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	1.180.883.200	-
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	875.284.336	-
- Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip	2.540.978.600	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh	20.000.000	-
- Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	1.633.465.950	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.839.198.627	1.783.690.000
- Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	11.111.111	-
- Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	1.763.445.500	1.783.690.000
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam - Vosco	36.000.000	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	28.642.016	-
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	3.900.480	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.923.957.299	280.014.393
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	358.689.457	93.569.673
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	186.444.720
- Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	506.925.972	-
- Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	693.407.790	-
- Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip	1.033.353.396	-
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	331.580.684	-
Phải trả phải nộp khác	-	6.600.000.000
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	-	6.600.000.000
Phải trả người bán	111.750.767	226.258.500
- Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	90.810.500	226.258.500
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	20.940.267	-

Thu nhập của quản lý chủ chốt:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập/Thù lao	
			Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch HĐQT	80.000.000	35.000.000
2	Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch HĐQT	-	674.788.355
3	Ông Vương Ngọc Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	67.000.000	78.000.000
4	Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	903.173.158	1.000.382.861
5	Bà Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	41.000.000	-
9	Ông Phạm Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	-	12.000.000
10	Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng giám đốc	327.616.390	677.577.121
11	Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng giám đốc	727.321.572	739.109.111
12	Ông Đoàn Minh Thân	Phó Tổng giám đốc	70.963.783	-
13	Bà Trần Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	586.648.914	652.617.411
14	Bà Lê Thị Liên Hương	Trưởng ban kiểm soát	53.000.000	73.000.000
15	Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	41.000.000	53.000.000
16	Bà Phan Nha Trang	Thành viên Ban kiểm soát	-	26.000.000
17	Ông Phan Văn Hưng	Thành viên ban kiểm soát	41.000.000	23.000.000
Cộng			3.005.723.817	4.171.474.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC

36.2 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO TỪNG HOẠT ĐỘNG

Các hoạt động	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vận tải biển		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	442.525.193.398	504.442.734.644
- Chi phí	436.386.575.181	500.362.415.513
- Lợi nhuận gộp	6.138.618.217	4.080.319.131
Vận tải biển thuê tàu ngoài		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	106.838.482.329	38.389.768.899
- Chi phí	102.604.629.347	36.555.082.376
- Lợi nhuận gộp	4.233.852.982	1.834.686.523
Hoạt động cho thuê BĐS đầu tư		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.089.256.277	3.282.941.874
- Chi phí	1.812.536.867	1.235.171.096
- Lợi nhuận gộp	1.276.719.410	2.047.770.778
Hoạt động dịch vụ bốc xếp hàng hoá		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	51.226.508.365	45.889.586.355
- Chi phí	46.645.999.517	42.020.264.750
- Lợi nhuận gộp	4.580.508.848	3.869.321.605
Hoạt động bán hàng		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	13.420.052.856	47.382.060
- Chi phí	12.947.606.865	47.339.590
- Lợi nhuận gộp	472.445.991	42.470
Hoạt động cung cấp dịch vụ hàng hoá khác		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.501.455.462	1.791.668.720
- Chi phí	1.432.361.032	1.107.625.506
- Lợi nhuận gộp	2.069.094.430	684.043.214

37. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Đương Ngọc Tú